

Số: 183/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 13 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 806/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1976,

2. Ông Phan M, sinh năm 1977,

Cùng địa chỉ: Số L Lô D, Khu nhà ở CBCS, Cực B, tổ 3, Khu phố 1, phường PT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Ng và ông Phan M tự tìm hiểu 03 năm, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số K, quyển số 1/2003 đăng ký ngày 29/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã TQ, Thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Hiện nay, bà Ng và ông M cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Ng và ông M cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M xác nhận có 02 (hai) con chung là:

- Phan Trần K (nữ), sinh ngày 27/11/2004
- Phan Trần T (nam), sinh ngày 17/12/2008,

Bà Ng và ông M thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, ông M sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phan Trần K (nữ); bà Ng sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phan Trần T (nam), ông M và bà Ng đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M cùng chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số K, quyển số 1/2003 do Ủy ban nhân dân xã TQ, Thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29/10/2003, không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M xác nhận có 02 (Hai) con chung là:

- Phan Trần K (nữ), sinh ngày 27/11/2004
- Phan Trần T (nam), sinh ngày 17/12/2008

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự như sau:

Ông Phan M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Phan Trần K (nữ), sinh ngày 27/11/2004, bà Trần Thị Ng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Phan Trần T (nam), sinh ngày 17/12/2008. Ông M và bà Ng đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Ng và ông Phan M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Ng, ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông M, bà Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Ng, ông M.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Ng và ông Phan M cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031918 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ng và ông Phan M đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Q.7, Tp.HCM;
- C/c THADS Q.7, Tp.HCM
- C/q đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy